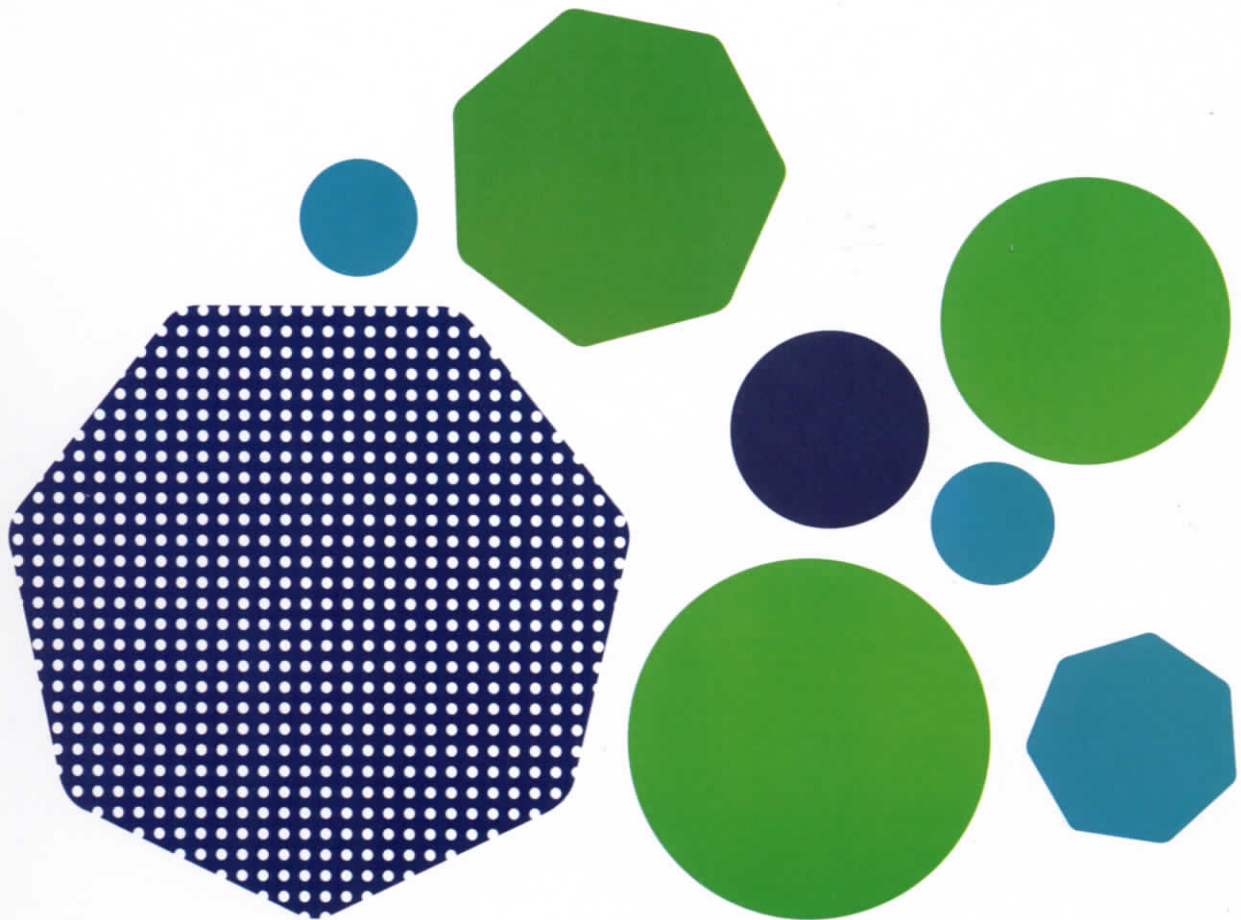


**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**

---

**Tháng 08 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 44



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 từ trang 5 đến trang 44 kèm theo.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch
Ông Võ Quang Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Nam	Thành viên
Ông Trương Khắc Len	Thành viên
Ông Trần Quang Lâm	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hòa	Thành viên
Ông Võ Duy Bách	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Thị Ngọc Lý.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0102021062 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09/08/2017 (đăng ký lần đầu ngày 29/08/2006), Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA được đổi tên thành Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn UHY.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính Tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Chơn Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017*

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2, được lập ngày 14/08/2017, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Nguyễn Tự Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 1226-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY CO., LTD)**

*Tp. Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.355.484.560.813</b>	<b>1.382.275.758.906</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>160.632.323.050</b>	<b>30.905.162.072</b>
Tiền	111		16.782.323.050	19.655.162.072
Các khoản tương đương tiền	112		143.850.000.000	11.250.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>309.000.000.000</b>	<b>594.243.879.629</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		309.000.000.000	594.243.879.629
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>505.050.318.464</b>	<b>172.605.704.398</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	302.113.656.146	137.905.734.971
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		70.982.271.332	61.201.712.294
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	167.779.901.948	4.085.485.173
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(35.825.510.962)	(30.588.540.229)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.312.189
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>377.172.916.243</b>	<b>540.554.634.311</b>
Hàng tồn kho	141		377.172.916.243	540.554.634.311
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.629.003.056</b>	<b>43.966.378.496</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.971.680.099	1.489.141.768
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.657.322.957	42.477.236.728
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>85.980.347.400</b>	<b>78.167.226.791</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>258.915.000</b>	<b>227.100.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	-	-
Phải thu dài hạn khác	216	9	258.915.000	227.100.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.509.736.281</b>	<b>37.266.638.096</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	31.424.358.911	23.922.019.972
- Nguyên giá	222		98.281.509.792	90.510.163.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.857.150.881)	(66.588.143.074)
Tài sản cố định vô hình	227	13	12.085.377.370	13.344.618.124
- Nguyên giá	228		19.405.180.304	19.240.984.304
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.319.802.934)	(5.896.366.180)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.941.236.240</b>	<b>1.649.876.929</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.941.236.240	1.649.876.929
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>18.406.850.600</b>	<b>18.406.850.600</b>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		18.406.850.600	18.406.850.600
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.863.609.279</b>	<b>20.616.761.166</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	2.223.257.476	1.976.409.363
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	18.640.351.803	18.640.351.803
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.441.464.908.213</b>	<b>1.460.442.985.697</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.127.172.766.495</b>	<b>1.157.759.089.108</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.032.093.780.037</b>	<b>1.053.917.839.640</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	183.236.816.578	218.222.312.932
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		320.892.836.517	339.976.690.484
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	12.397.766.291	25.491.780.050
Phải trả người lao động	314		127.181.710.166	135.132.216.898
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	181.231.099.121	178.618.893.302
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		6.637.559.700	7.235.887.418
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	26.391.432.837	6.247.754.198
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	60.267.013.263	38.418.102.097
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	94.655.658.615	93.781.364.840
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.201.886.949	10.792.837.421
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>95.078.986.458</b>	<b>103.841.249.468</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	9.000.000.000	17.482.263.010
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	84.818.986.458	84.818.986.458
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.260.000.000	1.540.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>314.292.141.718</b>	<b>302.683.896.589</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>314.241.616.321</b>	<b>302.633.371.192</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.987.640.000	50.987.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.987.640.000	50.987.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.922.641.050	4.922.641.050
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.641.457.169	11.783.218.022
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		77.884.831.988	48.912.523.460
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		167.799.853.914	186.022.326.460
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		140.717.348.893	86.587.167.545
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.082.505.021	99.435.158.915
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		5.192.200	5.022.200
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>50.525.397</b>	<b>50.525.397</b>
Nguồn kinh phí	431		50.525.397	50.525.397
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.441.464.908.213</b>	<b>1.460.442.985.697</b>



**Nguyễn Chơn Hùng**  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**Bùi Thị Ngọc Lý**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Thụy Hoài Yên**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>827.204.590.312</b>	<b>384.080.448.955</b>
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>827.204.590.312</b>	<b>384.080.448.955</b>
Giá vốn hàng bán	11	25	773.631.186.399	340.827.008.682
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>53.573.403.913</b>	<b>43.253.440.273</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	19.443.230.310	10.306.812.581
Chi phí tài chính	22	27	3.139.333.333	4.812.251.612
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.003.341.431</i>	<i>1.458.227.582</i>
Chi phí bán hàng	25	28	879.998.503	11.363.607.628
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	33.574.301.608	17.744.274.674
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>35.423.000.779</b>	<b>19.640.118.940</b>
Thu nhập khác	31	29	443.015.649	740.148.295
Chi phí khác	32	30	1.559.531.771	323.865.493
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.116.516.122)</b>	<b>416.282.802</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>34.306.484.657</b>	<b>20.056.401.742</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	7.223.979.636	4.756.890.655
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>27.082.505.021</b>	<b>15.299.511.087</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	5.312	3.478
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	4.619	3.025



*(Signature)*  
Nguyễn Chơn Hùng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

*(Signature)*  
Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng

*(Signature)*  
Nguyễn Minh Thu  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.306.484.657	20.056.401.742
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.647.541.792	2.192.563.152
Các khoản dự phòng	03		6.111.264.508	25.817.730.817
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(401.229.138)	3.198.973.839
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(15.818.393.771)	(9.949.436.468)
Chi phí lãi vay	06		3.003.341.431	1.458.227.582
Các điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>30.849.009.479</b>	<b>42.774.460.664</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(143.343.106.081)	60.342.570.874
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		163.381.718.068	(114.527.531.161)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(37.183.519.151)	301.029.171.829
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(729.386.444)	207.088.126
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.868.095.364)	(1.583.553.128)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.240.676.662)	(29.444.259.695)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	62.768.481
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.198.980.000)	(642.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(18.323.036.155)</b>	<b>258.218.415.990</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(164.234.212.444)	(4.954.218.745)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		324.683.501	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(213.600.000.000)	(92.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		498.843.879.629	21.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.947.066.217	9.801.354.001
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>137.281.416.903</b>	<b>(67.052.864.744)</b>


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**


(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017 VND	đến 30/06/2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		368.157.854.972	60.107.922.817
Tiền trả nợ gốc vay	34		(354.791.206.816)	(45.595.511.234)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.596.167.703)	(2.163.980.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>10.770.480.453</b>	<b>12.348.431.583</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>129.728.861.201</b>	<b>203.513.982.829</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>30.905.162.072</b>	<b>204.385.856.331</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.700.223)	(414.342.320)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>160.632.323.050</b>	<b>407.485.496.840</b>



  
Nguyễn Chơn Hùng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

  
Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng

  
Vũ Thị Vân Anh  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 15 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.987.640.000 đồng chia thành 5.098.764 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV2.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ tư vấn, dịch vụ kỹ thuật, xây dựng các công trình nguồn điện.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng các công trình nguồn điện, thủy lợi và các công trình công cộng, dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện;
- Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường; Nhận thầu khai thác, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh; Tư vấn môi trường; Tư vấn giải pháp công nghệ sản xuất sạch, thiết lập cơ chế sản xuất sạch;
- Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không hoạt động tại TP.HCM);
- Chế tạo thiết bị cơ khí. Mạ kẽm nhúng nóng cột điện thép, phụ kiện điện và các sản phẩm kim loại (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Mua bán vật tư thiết bị xây dựng;
- Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất phụ kiện, dụng cụ chuyên ngành điện, gia công cột điện các loại, cột ăng ten viễn thông (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (trừ súng đạn, vũ khí thô sơ);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao: Sân vận động bóng đá, sân cầu lông, sân bóng bàn, sân bóng chuyền, sân tennis;
- Hoạt động thể thao khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trên 12 tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế.

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp các công trình điện cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh.

Công ty có hai Chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc, gồm:

- Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam  
Địa chỉ: 45 Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.
- Chi nhánh Xí nghiệp Cơ Điện  
Địa chỉ: 45 Đường số 2, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.

Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty và 02 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo là Báo cáo tổng hợp của Báo cáo Văn phòng Công ty và 02 chi nhánh trực thuộc, các nghiệp vụ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty và 02 chi nhánh đã được loại trừ khi lập Báo cáo này. Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200/TT-BTC.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu và các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**4.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số năm khấu hao (năm)</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 05
- Phương tiện vận tải	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Một số tài sản cố định hữu hình được khấu hao nhanh 02 lần hoặc 04 lần so với mức thời gian khấu hao thông thường theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính .

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số năm khấu hao (năm)</b>
- Phần mềm máy vi tính	03 - 05
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	50

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “Tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khác.

**4.9 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị ghi nhận thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty về việc chia cổ tức và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**4.13 NGOẠI TỆ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.13 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ kế toán. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính:*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hoạt động xây lắp được kết chuyển phù hợp với khối lượng hoàn thành và doanh thu đã ghi nhận. Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế và cơ khí được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với doanh thu ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.15 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động khảo sát thiết kế, hoạt động gia công cơ khí, hoạt động bán hàng hóa và hoạt động khác.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận, theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp

**4.18 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các đơn vị trực thuộc, các công ty con, các công ty liên doanh và các công ty liên kết của EVN, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ phần vốn góp đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.517.261.920	358.496.857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.265.061.130	19.296.665.215
Các khoản tương đương tiền (*)	143.850.000.000	11.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>160.632.323.050</b>	<b>30.905.162.072</b>

(\*) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng, lãi suất từ 4,3% đến 5,4%/năm đối với VND và 0% đối với USD.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	309.000.000.000	309.000.000.000	594.243.879.629	594.243.879.629
<b>Dài hạn</b>				
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (**)	1.656.850.600	1.656.850.600	1.656.850.600	1.656.850.600
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (***)	16.750.000.000	16.750.000.000	16.750.000.000	16.750.000.000

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5,3% đến 7,1%/năm.

(\*\*) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chiếm tỷ lệ 0,45% trên vốn điều lệ cùng quyền biểu quyết tương ứng.

(\*\*\*) Khoản góp vốn vào Công ty Thủy điện Buôn Đôn chiếm tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ cùng quyền biểu quyết tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>302.113.656.146</b>	<b>137.905.734.971</b>
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân	195.770.725.037	-
- Limited liability company "Energoproject Technology"	34.341.074.609	34.371.331.062
- Các khoản phải thu khách hàng khác	72.001.856.500	103.534.403.909
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Phải thu của khách hàng các bên liên quan</b>	<b>214.933.781.275</b>	<b>45.166.472.997</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.971.680.099</b>	<b>1.489.141.768</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.377.584.541	1.205.714.138
- Các khoản khác	594.095.558	283.427.630
<b>Dài hạn</b>	<b>2.223.257.476</b>	<b>1.976.409.363</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	992.685.270	869.709.926
- Chi phí trả trước khác	1.230.572.206	1.106.699.437
<b>Cộng</b>	<b>4.194.937.575</b>	<b>3.465.551.131</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**  
32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>167.779.901.948</b>	-	<b>4.085.485.173</b>	-
- Tạm ứng	2.399.477.278	-	1.306.431.022	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	292.403.336	-	805.187.283	-
- Lãi dự thu đồng 30/11/2011 (EPT)	499.974.813	-	499.974.813	-
- Thu hộ hợp đồng	7.724.972.784	-	-	-
- Thu hồ nhà thầu phụ dự án Vĩnh Tân 4	1.389.609.806	-	-	-
- Phải thu thuế thu nhập cá nhân	154.019.653.818	-	-	-
- Tiền mua nhà, đất 32 Ngõ Thời Nhiệm	1.453.810.113	-	1.473.892.055	-
- Phải thu khác	<b>258.915.000</b>	-	<b>227.100.000</b>	-
<b>Dài hạn</b>	<b>258.915.000</b>	-	<b>227.100.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	<b>168.038.816.948</b>	-	<b>4.312.585.173</b>	-
<b>Cộng</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**  
32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. NỢ XẤU**

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	54.049.631.555	18.224.120.593	57.392.258.654	26.803.718.425
+ Limited liability company "Energo Project Technology"	34.341.074.609	13.287.539.999	34.371.331.062	20.768.673.465
+ Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	1.689.887.009	-	1.689.887.009	3.411.077
+ Ban QLDA Thủy điện 5	182.442.396	91.221.198	2.777.323.976	776.841.572
+ Công ty CP Năng lượng AGRITA - Quảng Nam	438.761.408	143.272.291	438.761.408	143.272.291
+ Ban QLDA Thủy điện Đồng Nai 5	3.328.845.389	418.555.817	3.436.478.725	517.630.252
+ Các đối tượng khác	14.068.620.744	4.283.531.288	14.678.476.474	4.593.889.768
<b>Cộng</b>	<b>54.049.631.555</b>	<b>18.224.120.593</b>	<b>57.392.258.654</b>	<b>26.803.718.425</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	38.941.313.619	-	30.784.062.039	-
- Công cụ, dụng cụ	449.030.840	-	291.837.592	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	335.630.939.907	-	507.603.843.538	-
- Hàng hóa	2.151.631.877	-	1.874.891.142	-
<b>Cộng</b>	<b>377.172.916.243</b>	<b>-</b>	<b>540.554.634.311</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**  
32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2017	25.436.339.377	27.967.461.596	30.785.683.904	5.974.031.737	346.646.432	90.510.163.046
- Mua trong kỳ	-	6.304.434.820	2.187.558.546	429.233.636	-	8.921.227.002
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	910.269.330	-	-	-	-	910.269.330
- Thanh lý, nhượng bán	(415.689.020)	-	(1.407.314.161)	(43.565.000)	-	(1.866.568.181)
- Giảm khác	-	-	-	(193.581.405)	-	(193.581.405)
Tại 30/06/2017	<b>25.930.919.687</b>	<b>34.271.896.416</b>	<b>31.565.928.289</b>	<b>6.166.118.968</b>	<b>346.646.432</b>	<b>98.281.509.792</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2017	12.113.082.740	25.006.312.258	25.247.392.848	3.982.642.185	238.713.043	66.588.143.074
- Khấu hao trong kỳ	732.351.595	493.608.006	742.845.989	353.778.623	6.573.180	2.329.157.393
- Thanh lý, nhượng bán	(415.689.020)	-	(1.407.314.161)	(43.565.000)	-	(1.866.568.181)
- Giảm khác	-	-	-	(193.581.405)	-	(193.581.405)
Tại 30/06/2017	<b>12.429.745.315</b>	<b>25.499.920.264</b>	<b>24.582.924.676</b>	<b>4.099.274.403</b>	<b>245.286.223</b>	<b>66.857.150.881</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2017	13.323.256.637	2.961.149.338	5.538.291.056	1.991.389.552	107.933.389	23.922.019.972
Tại 30/06/2017	13.501.174.372	8.771.976.152	6.983.003.613	2.066.844.565	101.360.209	31.424.358.911

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.  
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017: 55.579.022.687 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2017	7.415.748.242	11.825.236.062	19.240.984.304
- Mua trong kỳ	-	164.196.000	164.196.000
Tại 30/06/2017	<u>7.415.748.242</u>	<u>11.989.432.062</u>	<u>19.405.180.304</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2017	429.159.580	5.467.206.600	5.896.366.180
- Trích khấu hao trong kỳ	65.236.884	1.358.199.870	1.423.436.754
Tại 30/06/2017	<u>494.396.464</u>	<u>6.825.406.470</u>	<u>7.319.802.934</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2017	<u>6.986.588.662</u>	<u>6.358.029.462</u>	<u>13.344.618.124</u>
Tại 30/06/2017	<u>6.921.351.778</u>	<u>5.164.025.592</u>	<u>12.085.377.370</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017: 3.761.666.053 VND.

**14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.941.236.240</b>	<b>2.941.236.240</b>	<b>1.649.876.929</b>	<b>1.649.876.929</b>
Công trình Thủy điện Long Hà	637.054.091	637.054.091	637.054.091	637.054.091
Thủy điện Thác Bà 2	512.979.901	512.979.901	512.979.901	512.979.901
Thủy điện Đắc Rông 4	91.262.770	91.262.770	91.262.770	91.262.770
Điện gió Tân Thuận	858.093.021	858.093.021	-	-
Sửa chữa Văn phòng 45 Dân Chủ	584.145.522	584.145.522	-	-
Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà xưởng số 3	216.770.752	216.770.752	-	-
Công trình khác	40.930.183	40.930.183	408.580.167	408.580.167
<b>Cộng</b>	<u><b>2.941.236.240</b></u>	<u><b>2.941.236.240</b></u>	<u><b>1.649.876.929</b></u>	<u><b>1.649.876.929</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	<b>Tại 30/06/2017</b>	<b>Tại 01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	18.640.351.803	18.640.351.803
<b>Cộng</b>	<b>18.640.351.803</b>	<b>18.640.351.803</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>183.236.816.578</b>	<b>183.236.816.578</b>	<b>218.222.312.932</b>	<b>218.222.312.932</b>
- SXED - WIN	53.962.138.910	53.962.138.910	-	-
- Siemens	-	-	94.660.710.782	94.660.710.782
- Các đối tượng khác	129.274.677.668	129.274.677.668	123.561.602.150	123.561.602.150
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>6.977.008.202</b>	<b>6.977.008.202</b>	<b>18.519.258.202</b>	<b>18.519.258.202</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2017		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		Tại 30/06/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>79.434.080.085</b>	<b>6.441.546.239</b>	<b>85.875.626.324</b>	<b>1.530.008.828</b>	<b>6.441.546.239</b>	<b>-</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-	1.530.008.828	-	1.530.008.828	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	24.062.999.191	7.223.979.636	26.240.676.662	5.046.302.165	26.240.676.662	5.046.302.165	5.046.302.165	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.417.289.179	19.245.453.075	19.752.824.367	909.917.887	19.752.824.367	909.917.887	909.917.887	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	732.190.841	732.190.841	-	732.190.841	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	11.491.680	1.793.046.354	1.804.538.034	-	1.804.538.034	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	1.385.318.762	1.385.318.762	-	1.385.318.762	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.491.780.050</b>	<b>117.785.623.820</b>	<b>130.879.637.579</b>	<b>12.397.766.291</b>	<b>130.879.637.579</b>	<b>12.397.766.291</b>	<b>12.397.766.291</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	412.399.295	277.453.243
- Trích trước chi phí công trình	180.626.802.398	177.941.195.074
- Chi phí phải trả khác	191.897.428	400.244.985
<b>Cộng</b>	<b>181.231.099.121</b>	<b>178.618.893.302</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	5.320.624
- Kinh phí công đoàn	2.330.645.979	1.973.531.328
- Bảo hiểm xã hội	1.441.751.232	363.674.950
- Bảo hiểm y tế	247.089.461	56.337.194
- Bảo hiểm thất nghiệp	106.912.648	22.133.862
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.265.033.517	3.826.756.240
+ Đoàn phí công đoàn	957.583.940	1.046.864.026
+ Phải trả cổ tức	3.278.936.064	776.339.767
+ Khoản góp vốn đầu tư	15.133.200.000	-
+ Khoản nhận đóng góp từ cán bộ công nhân viên	337.586.390	449.586.390
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.557.727.123	1.553.966.057
<b>Cộng</b>	<b>26.391.432.837</b>	<b>6.247.754.198</b>

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>94.655.658.615</b>	<b>93.781.364.840</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	5.259.452.915	4.385.159.140
- Dự phòng phải trả khác	89.396.205.700	89.396.205.700
<b>Dài hạn</b>	<b>84.818.986.458</b>	<b>84.818.986.458</b>
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	84.818.986.458	84.818.986.458
<b>Cộng</b>	<b>179.474.645.073</b>	<b>178.600.351.298</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**  
32 Ngõ Thời Nhiệm, P7, Q3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2017		Trong năm		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>60.267.013.263</b>	<b>60.267.013.263</b>	<b>362.934.919.984</b>	<b>343.424.206.816</b>	<b>38.418.102.097</b>	<b>38.418.102.097</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (1)	39.769.460.177	39.769.460.177	344.775.564.896	343.424.206.816	38.418.102.097	38.418.102.097
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Chợ Lớn (2)	9.677.092.078	9.677.092.078	9.677.092.078	-	-	-
- Vay cán bộ công nhân viên	2.338.197.998	2.338.197.998	-	-	-	-
- Vay dài hạn đến hạn thanh toán	8.482.263.010	8.482.263.010	8.482.263.010	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>11.367.000.000</b>	<b>19.849.263.010</b>	<b>17.482.263.010</b>	<b>17.482.263.010</b>
- Vay cán bộ công nhân viên (3)	9.000.000.000	9.000.000.000	11.367.000.000	19.849.263.010	17.482.263.010	17.482.263.010
<b>Cộng</b>	<b>69.267.013.263</b>	<b>69.267.013.263</b>	<b>374.301.919.984</b>	<b>363.273.469.826</b>	<b>55.900.365.107</b>	<b>55.900.365.107</b>

(1): Là khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn số 01/2015/93115/HĐTD ngày 05/03/2015 và các phụ lục sửa đổi, bổ sung.

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng;

- Lãi suất: 6,5%/năm;

- Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp, cầm cố dây chuyền thiết bị tại Xí nghiệp Cơ Điện và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

(2) Là khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Chợ Lớn theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn số 23088.16.701.2637172.TD ngày 14/01/2016;

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;

- Lãi suất: tùy từng thời điểm rút vốn;

- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(3) Là khoản vay cán bộ công nhân viên, theo lãi suất từ 0,8%/năm đến 3%/năm, thời hạn vay từ 01 đến 03 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	51,32%	26.168.130.000	51,32%	26.168.130.000
Tổ chức American LLC	13,23%	6.744.750.000	13,23%	6.744.750.000
Công ty CP Đầu tư Toàn Việt	7,49%	3.821.200.000	7,80%	3.977.200.000
Các Cổ đông khác	27,95%	14.253.560.000	27,65%	14.097.560.000
Cổ phiếu quỹ		-		-
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>50.987.640.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.987.640.000</b>

**22.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	50.987.640.000	44.390.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	50.987.640.000	44.390.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.098.764.000	4.398.500.000

**22.3 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2017 Cổ phiếu	Tại 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.098.764	5.098.764
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.098.764	5.098.764
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.098.764	5.098.764
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.098.764	5.098.764
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.098.764	5.098.764
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**  
32 Ngõ Thời Nhiệm, P7, Q3, TP. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Tại 01/01/2016</b>	44.390.000.000	8.857.682.530	-	-	(345.866.310)	34.719.967.727	4.614.200	120.773.929.178	208.400.327.325	99.435.158.915	99.435.158.915	208.400.327.325	99.435.158.915	99.435.158.915	99.435.158.915	99.435.158.915	99.435.158.915
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.118.091.225)	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	17.118.091.225	-	-	-	-	-	-	-	(10.996.140.000)	-	-	-
- Chia cổ tức	6.597.640.000	-	-	-	-	(2.925.535.492)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ	-	2.925.535.492	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Bán cổ phiếu quỹ	-	-	4.922.641.050	-	345.866.310	-	408.000	-	-	-	-	-	-	(6.072.530.408)	-	5.268.915.360	(6.072.530.408)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thường ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại 31/12/2016</b>	50.987.640.000	11.783.218.022	4.922.641.050	-	-	48.912.523.460	5.022.200	186.022.326.460	302.633.371.192	48.912.523.460	5.022.200	186.022.326.460	186.022.326.460	186.022.326.460	186.022.326.460	186.022.326.460	186.022.326.460
<b>Tại 01/01/2017</b>	50.987.640.000	11.783.218.022	4.922.641.050	-	-	48.912.523.460	5.022.200	186.022.326.460	302.633.371.192	48.912.523.460	5.022.200	186.022.326.460	186.022.326.460	186.022.326.460	186.022.326.460	186.022.326.460	186.022.326.460
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27.082.505.021	-	27.082.505.021	27.082.505.021
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	29.830.547.675	-	-	-	-	-	-	-	(29.830.547.675)	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.098.764.000)	-	-	(5.098.764.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thường ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.375.665.892)	-	-	(10.375.665.892)
- Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ	-	858.239.147	-	-	-	(858.239.147)	170.000	-	-	-	170.000	-	-	-	-	-	170.000
<b>Tại 30/06/2017</b>	50.987.640.000	12.641.457.169	4.922.641.050	-	-	77.884.831.988	5.192.200	167.799.853.914	314.241.616.321	77.884.831.988	5.192.200	167.799.853.914	167.799.853.914	167.799.853.914	167.799.853.914	167.799.853.914	167.799.853.914

Trong kỳ, Công ty phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-DHĐCĐ ngày 31/03/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Tại 30/06/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	108.500,70	376.798,87
- RUB	7.520	7.520
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	-	-

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>827.204.590.312</b>	<b>384.080.448.955</b>
- Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	777.334.376.119	367.498.021.986
- Doanh thu hoạt động gia công cơ khí	49.723.168.728	16.559.003.245
- Doanh thu khác	147.045.465	23.423.724
<b>Cộng</b>	<b>827.204.590.312</b>	<b>384.080.448.955</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>743.606.449.910</b>	<b>344.521.373.325</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế	729.692.745.165	326.974.895.586
- Giá vốn hoạt động gia công cơ khí	43.807.109.616	13.852.113.096
- Giá vốn khác	131.331.618	-
<b>Cộng</b>	<b>773.631.186.399</b>	<b>340.827.008.682</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.475.562.007	9.759.826.624
- Chiết khấu thanh toán	2.672.201	1.839.112
- Thu nhập từ Hợp tác kinh doanh	59.428.000	103.152.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.504.338.964	415.763.147
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	401.229.138	26.231.198
<b>Cộng</b>	<b>19.443.230.310</b>	<b>10.306.812.581</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
- Chi phí lãi vay	3.003.341.431	1.458.227.582
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	135.991.902	129.047.181
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	3.224.976.849
<b>Cộng</b>	<b>3.139.333.333</b>	<b>4.812.251.612</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>33.574.301.608</b>	<b>17.744.274.674</b>
- Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng	2.041.408.581	1.539.169.496
- Chi phí nhân viên quản lý	4.304.658.038	8.132.793.963
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.265.525.076	839.182.860
- Thuế phí, lệ phí	3.913.801.739	4.100.192.993
- Chi phí dự phòng	5.236.970.733	(6.338.213.133)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.492.989.087	1.711.117.684
Chi phí bằng tiền khác	12.074.545.123	6.054.238.983
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.244.403.231	1.705.791.828
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>879.998.503</b>	<b>11.363.607.628</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	4.496.252	17.915.040
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	9.627.157
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	733.600
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.208.476	7.763.442
Chi phí bằng tiền khác	-	12.118.000
Chi phí bảo hành công trình	874.293.775	11.315.450.389
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(52.134.445)</b>	<b>(6.338.213.133)</b>
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(52.134.445)	(6.338.213.133)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
- Thanh lý TSCĐ, vật tư, CCDC	395.000.001	30.000.000
- Thu nhập từ đền bù đất	-	659.921.944
- Thu nhập khác	48.015.648	50.226.351
<b>Cộng</b>	<b>443.015.649</b>	<b>740.148.295</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
- Nộp phạt và nộp bổ sung về thuế	-	129.175.605
- Chi phí tháo dỡ nhà ăn, nhà xưởng	-	187.026.220
- Các khoản chi phí khác	1.559.531.771	7.663.668
<b>Cộng</b>	<b>1.559.531.771</b>	<b>323.865.493</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.306.484.657	20.056.401.742
Các khoản điều chỉnh tăng	1.813.413.517	3.728.051.532
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>36.119.898.174</b>	<b>23.784.453.274</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>7.223.979.636</b>	<b>4.756.890.655</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	27.082.505.021	15.299.511.087
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.098.764	4.398.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (*)</b>	<b>5.312</b>	<b>3.478</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 đã được điều chỉnh bởi nguyên nhân sau:

Theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 đã được soát xét, việc đánh giá chênh lệch tỷ giá khoản mục tiền tệ tại thời điểm 30/06/2016 làm phát sinh lỗ tỷ giá là 3.198.973.839 VNĐ. Công ty điều chỉnh lại số liệu so sánh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong kỳ.

**33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VNĐ	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VNĐ
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	27.082.505.021	15.299.511.087
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.098.764	4.398.500
Số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	764.706	659.764
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP) (*)</b>	<b>4.619</b>	<b>3.025</b>

(\*) Như được nêu tại thuyết minh số 32 của Báo cáo tài chính tổng hợp, do ảnh hưởng của điều chỉnh nêu trên, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Ngoài ra, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	50.077.567.945	53.987.914.614
Chi phí nhân công	162.078.449.094	100.777.013.619
Khấu hao tài sản cố định	3.734.094.587	2.192.563.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	376.003.625.432	290.535.406.704
Chi phí khác	44.087.514.203	36.682.674.600
<b>Cộng</b>	<b>635.981.251.261</b>	<b>484.175.572.689</b>

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 30/06/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.632.323.050	30.905.162.072
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	309.000.000.000	594.243.879.629
Phải thu khách hàng và phải thu khác	276.518.221.230	110.323.348.893
Đầu tư dài hạn	18.406.850.600	18.406.850.600
<b>Cộng</b>	<b>764.557.394.880</b>	<b>753.879.241.194</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	69.267.013.263	55.900.365.107
Phải trả người bán và phải trả khác	200.927.743.701	221.101.272.755
Chi phí phải trả	181.231.099.121	178.618.893.302
<b>Cộng</b>	<b>451.425.856.085</b>	<b>455.620.531.164</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>313.131.538.795</b>	<b>298.258.710.030</b>

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Trong kỳ, Công ty sử dụng tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay theo thuyết minh số 21.

**Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30/06/2017.

**QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

***Rủi ro tỷ giá***

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Tổng Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do lãi suất.

***Rủi ro về giá***

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Tại 30/06/2017</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	60.267.013.263	9.000.000.000	69.267.013.263
Phải trả người bán và phải trả khác	200.927.743.701	-	200.927.743.701
Chi phí phải trả	181.231.099.121	-	181.231.099.121
<b>Cộng</b>	<b>442.425.856.085</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>451.425.856.085</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	38.418.102.097	17.482.263.010	55.900.365.107
Phải trả người bán và phải trả khác	221.007.525.770	-	221.007.525.770
Chi phí phải trả	178.618.893.302	-	178.618.893.302
<b>Cộng</b>	<b>438.044.521.169</b>	<b>17.482.263.010</b>	<b>455.526.784.179</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Tại 30/06/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.632.323.050	-	160.632.323.050
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	309.000.000.000	-	309.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu	276.259.306.230	258.915.000	276.518.221.230
Đầu tư dài hạn	-	18.406.850.600	18.406.850.600
<b>Cộng</b>	<b>745.891.629.280</b>	<b>18.665.765.600</b>	<b>764.557.394.880</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.905.162.072	-	30.905.162.072
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	594.243.879.629	-	594.243.879.629
Phải thu khách hàng và phải thu	110.096.248.893	227.100.000	110.323.348.893
Đầu tư dài hạn	-	18.406.850.600	18.406.850.600
<b>Cộng</b>	<b>735.245.290.594</b>	<b>18.633.950.600</b>	<b>753.879.241.194</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chủ yếu của Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Hoạt động khảo sát thiết kế		Hoạt động gia công cơ khí		Hoạt động bán hàng hóa		Hoạt động khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	777.334.376.119	49.723.168.728	-	-	147.045.465	827.204.590.312	-	-	827.204.590.312
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	777.334.376.119	49.723.168.728	-	-	147.045.465	827.204.590.312	-	-	827.204.590.312
Giá vốn bộ phận	729.692.745.165	43.807.109.616	-	-	131.331.618	773.631.186.399	-	-	773.631.186.399
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	47.641.630.954	5.916.059.112	-	-	15.713.847	53.573.403.913	-	-	53.573.403.913
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	53.573.403.913
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	19.443.230.310	-	-	19.443.230.310
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(3.139.333.333)	-	-	(3.139.333.333)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	443.015.649	-	-	443.015.649
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(36.013.831.882)	-	-	(36.013.831.882)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(7.223.979.636)	-	-	(7.223.979.636)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>27.082.505.021</b>
Tài sản bộ phận	1.324.651.907.739	116.813.000.474	-	-	-	1.441.464.908.213	-	-	1.441.464.908.213
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.324.651.907.739</b>	<b>116.813.000.474</b>	-	-	-	<b>1.441.464.908.213</b>	-	-	<b>1.441.464.908.213</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	1.022.719.558.810	104.453.207.685	-	-	-	1.127.172.766.495	-	-	1.127.172.766.495
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.022.719.558.810</b>	<b>104.453.207.685</b>	-	-	-	<b>1.127.172.766.495</b>	-	-	<b>1.127.172.766.495</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**

	Hoạt động khảo sát thiết kế VND	Hoạt động gia công cơ khí VND	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	367.498.021.986	16.559.003.245	-	23.423.724	384.080.448.955
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	367.498.021.986	16.559.003.245	-	23.423.724	384.080.448.955
Giá vốn bộ phận	326.974.895.586	13.852.113.096	-	-	340.827.008.682
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>40.523.126.400</b>	<b>2.706.890.149</b>	<b>-</b>	<b>23.423.724</b>	<b>43.253.440.273</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	43.253.440.273
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.306.812.581</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	(4.812.251.612)
Chi phí tài chính	-	-	-	-	740.148.295
Thu nhập khác	-	-	-	-	(29.431.747.795)
Chi phí khác	-	-	-	-	(4.756.890.655)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.299.511.087</b>

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có dự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Doanh thu với bên liên quan</b>	<b>743.606.449.910</b>	<b>344.521.373.325</b>
- Tổng Công ty Phát điện 1	-	(154.166.705)
- Công ty Truyền tải Điện 1	2.101.422.198	-
- Công ty Truyền tải Điện 2	49.461.318	-
- Công ty Truyền tải Điện 3	-	148.944.545
- Công ty Truyền tải Điện 4	1.341.326.642	93.488.072
- Ban QLDA Thủy điện 2	167.550.000	-
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	7.308.968.370	-
- Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	4.143.992.523	-
- Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	-	101.992.586.049
- Ban QLDA Trung tâm ĐL Ô Môn	-	1.831.509.744
- Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	3.646.972.496	-
- Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	16.210.839.229	-
- Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	9.493.278.446	6.050.242.086
- Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	158.876.364	-
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	-	911.108.138
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	210.316.600	-
- Công ty Thủy điện Trị An	-	360.835.645
- Công ty Thủy điện Quảng Trị	454.963.636	-
- Công ty Điện lực Kiên Giang	313.755.397	198.541.713
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	77.581.100	-
- Công ty Phát triển Thủy điện Sesan	-	88.953.437
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	697.927.145.591	232.635.694.237
- XN KS Thủy điện 2 - Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	-	363.636.364

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tại 30/06/2017</u> <u>VND</u>	<u>Tại 01/01/2017</u> <u>VND</u>
<b>Phải trả người bán</b>	<b>6.977.008.202</b>	<b>18.519.258.202</b>
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 1	4.439.766.968	4.439.766.968
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	925.990.029	925.990.029
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 4	1.611.251.205	1.611.251.205
- Công ty DV Sửa chữa các NMD EVNGENCO3	-	11.542.250.000
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>214.933.781.275</b>	<b>45.166.472.997</b>
- Tổng Công ty Phát điện 3	-	239.393.945
- Công ty Truyền tải Điện 1	392.198.767	4.291.332.555
- Công ty Truyền tải Điện 2	681.155.345	1.978.785.315
- Công ty Truyền tải Điện 4	2.124.847.122	4.603.627.886
- Ban QLDA Thủy điện 1	26.168.801	26.168.801
- Ban QLDA Thủy điện 2	184.305.000	-
- Ban QLDA Thủy điện 5	259.775.607	2.854.657.187
- Ban QLDA Thủy điện 6	221.980.678	615.649.950
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	1.160.700.615	1.261.179.361
- Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	195.770.725.037	2.216.721.742
- Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	76.249.160	1.821.476.089
- Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	1.231.114.865	2.056.409.648
- Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	6.139.753.539	1.153.803.955
- Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	2.338.407.313	10.489.252.313
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	226.439.578	1.091.325.053
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam	574.517.196	574.517.196
- Ban QLDA Lưới điện Hà Nội	202.650.941	202.650.941
- Ban QLDA Trung tâm ĐL Ô Môn	1.584.000	5.573.404.295
- Ban QLDA Đưa điện lưới ra huyện đảo Cô Tô	761.052.127	761.052.127
- Công ty CP EVN Quốc Tế	908.086.581	908.086.581
- Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	-	21.440.787
- Công ty Thủy điện Quảng Trị	400.368.000	-
- Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	193.281.558	-
- Công ty Điện lực An Giang	24.205.500	24.205.500
- Công ty Thủy điện Trị An	497.399.430	497.399.430
- Công ty Thủy điện Đồng Nai	-	1.613.772.575
- Công ty Lưới điện Cao thế TP.HCM	85.663.250	85.663.250
- Công ty Lưới điện Cao thế Miền Bắc	175.046.515	204.496.515

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<u>Số dư với các bên liên quan (tiếp)</u>	<u>Tại 30/06/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>223.960.359.062</b>	<b>270.530.917.546</b>
- Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	5.766.368.413	2.371.000.000
- Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	5.896.893.925	7.038.106.490
- Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	6.316.601.658	2.090.992.766
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam	23.422.725.755	8.262.259.627
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	9.152.000.000	4.960.000.000
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	1.844.747.532	1.486.363.636
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	15.871.141.718	19.077.357.490
- Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình	655.485.035	655.485.035
- Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	137.393.389.547	218.903.820.487
- Ban QLDA Thủy điện 5	-	232.769.447
- Ban QLDA Trung tâm ĐL Ô Môn	806.672.734	655.640.750
- Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	10.609.927.859	1.975.697.000
- Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	680.684.533	680.684.533
- Công ty CP Thủy điện A Vương	102.980.424	102.980.424
- Công ty CP Thủy điện Thác Bà	90.962.109	90.962.109
- Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	-	628.706.209
- Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	43.355.625	-
- Công ty CP Phát triển điện lực VN	26.144.069	26.144.069
- Công ty Điện lực Kiên Giang	-	69.026.187
- Công ty Lưới điện Cao thế TP.HCM	772.311.428	772.311.428
- Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung	1.800.000.000	-
- Công ty Thủy điện Hòa Bình	60.000.000	60.000.000
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	425.722.850	-
- Công ty Thủy điện Đồng Nai	584.933.110	95.781.846
- Công ty Thủy điện Quảng Trị	-	100.092.000
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	36.896.250	-
- Điện lực Bình Dương	2.989.763	2.989.763
- Tổng Công ty Phát điện 2	154.850.000	154.850.000
- Tổng Công ty Phát điện 3	1.442.574.725	36.896.250
<b>Phải trả khác</b>	<b>2.616.813.000</b>	<b>-</b>
- Cổ tức năm 2016 phải trả EVN	2.616.813.000	-

**37.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty thuê nhà tại số 32, Ngô Thời Nhiệm để xây dựng Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh căn cứ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT (TIẾP)**

**Cam kết thuê hoạt động (tiếp)**

theo Hợp đồng thuê nhà số 337/HĐTĐN-KD với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh. Theo phụ lục hợp đồng số 312/ĐC-HĐTĐN, thời hạn thuê được gia hạn 3 năm, từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2016.

Tuy nhiên, theo Hợp đồng số 02/HĐMBN-QLKDN ngày 16/01/2017 được ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 về việc mua bán quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Trụ sở Công ty số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ tài chính của mình và đang xúc tiến để hoàn thành các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sử dụng đất, tài sản trên đất tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty vẫn thanh toán tiền thuê hoạt động cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**37.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**


Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.


**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét.



  
Nguyễn Chơn Hùng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

  
Bùi Thị Ngọc Lý  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Thụy Hoài Yên  
Người lập biểu